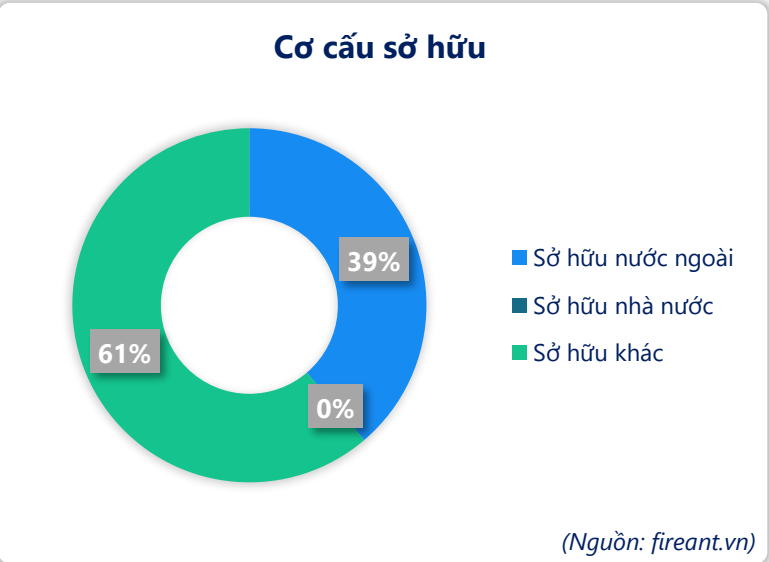
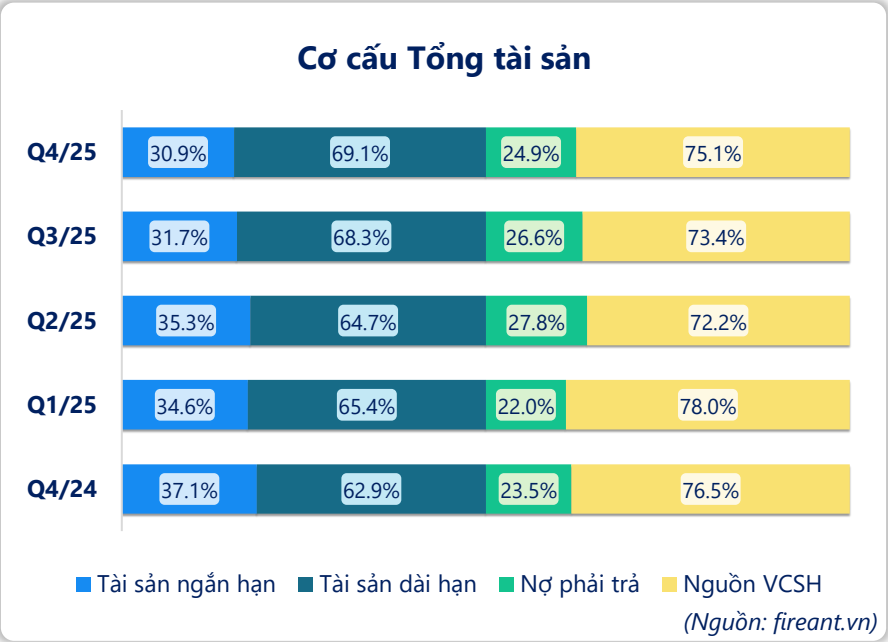
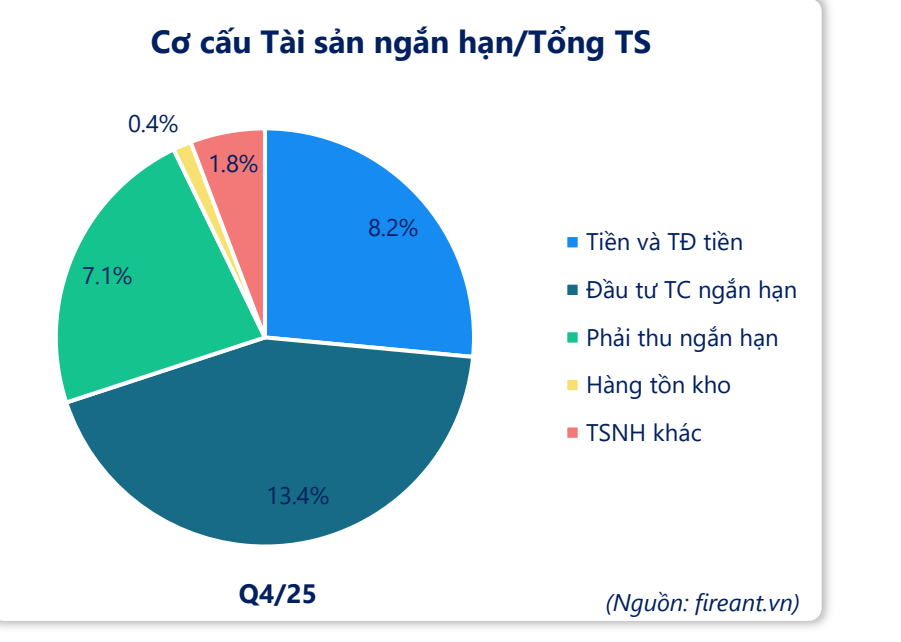
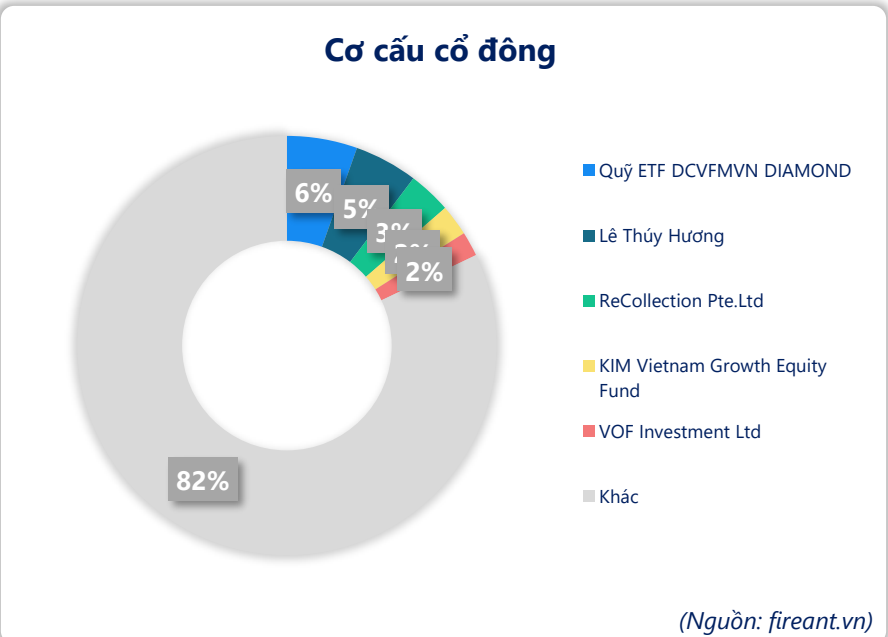
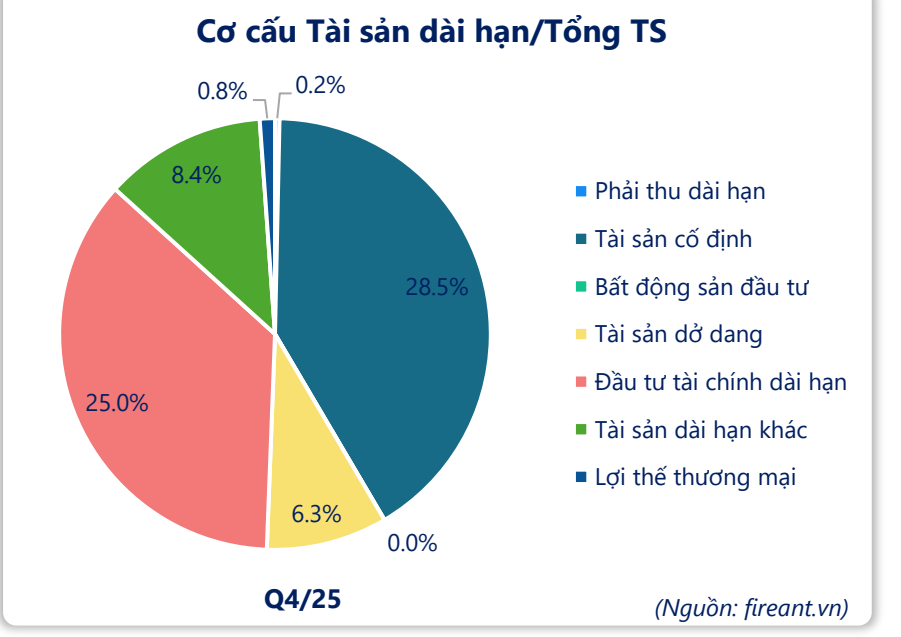
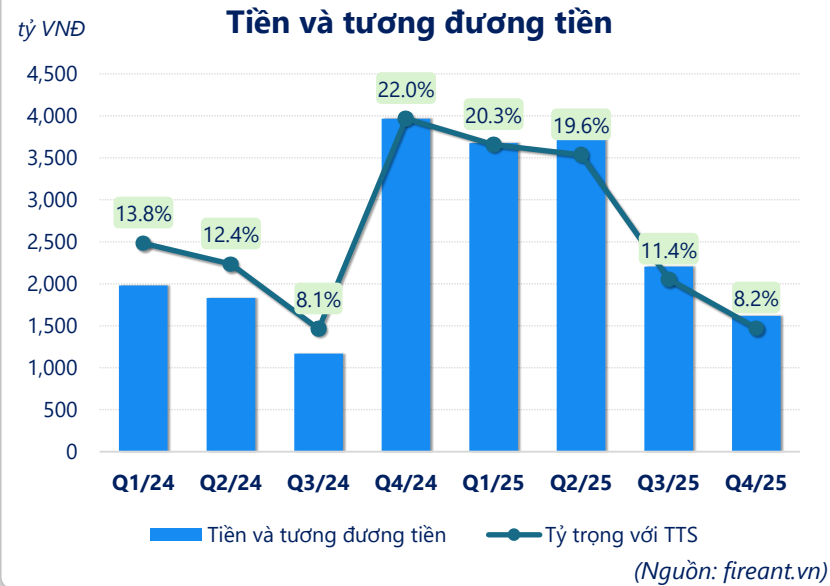
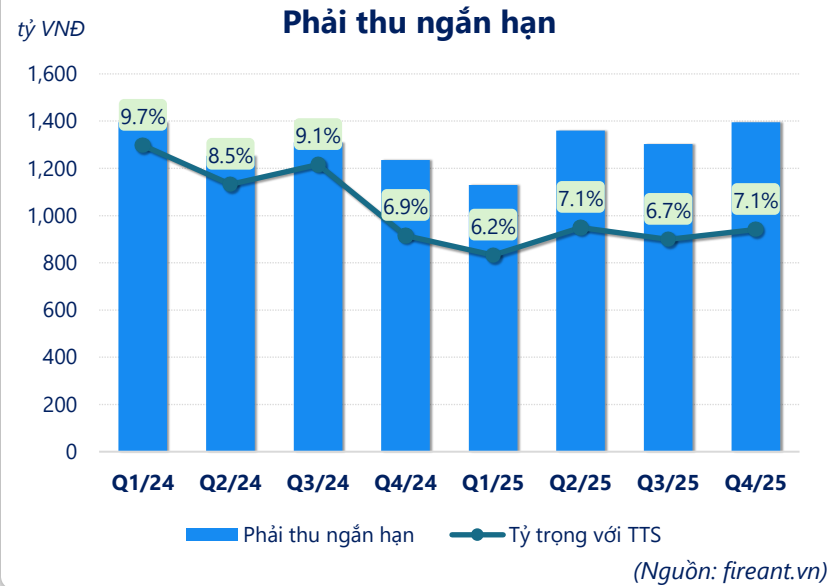
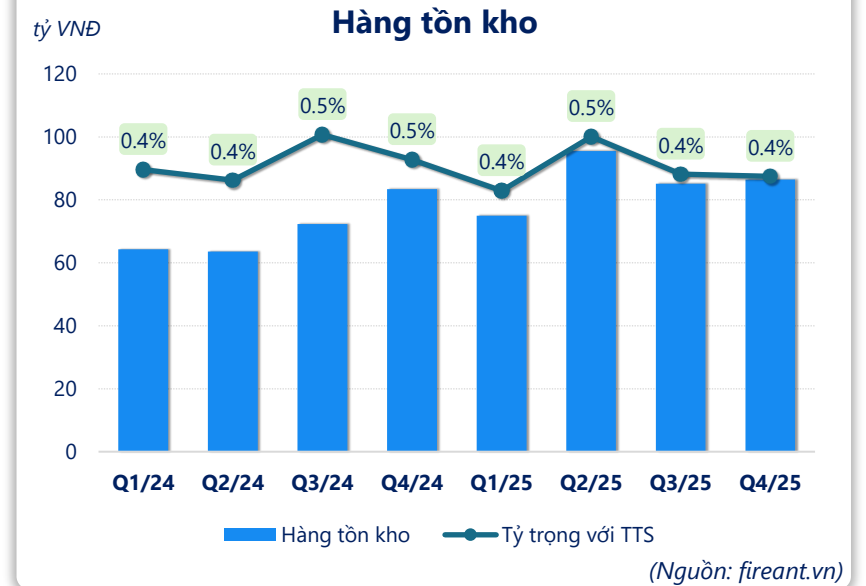
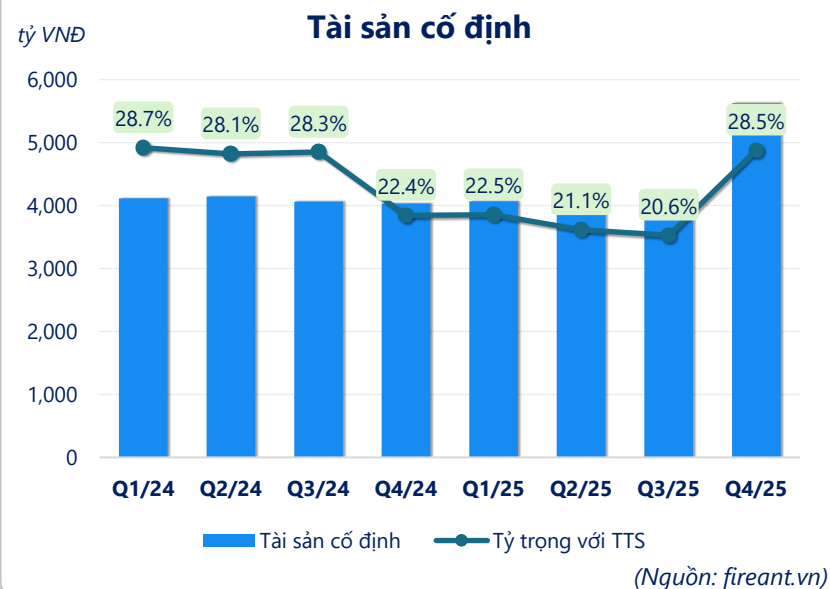
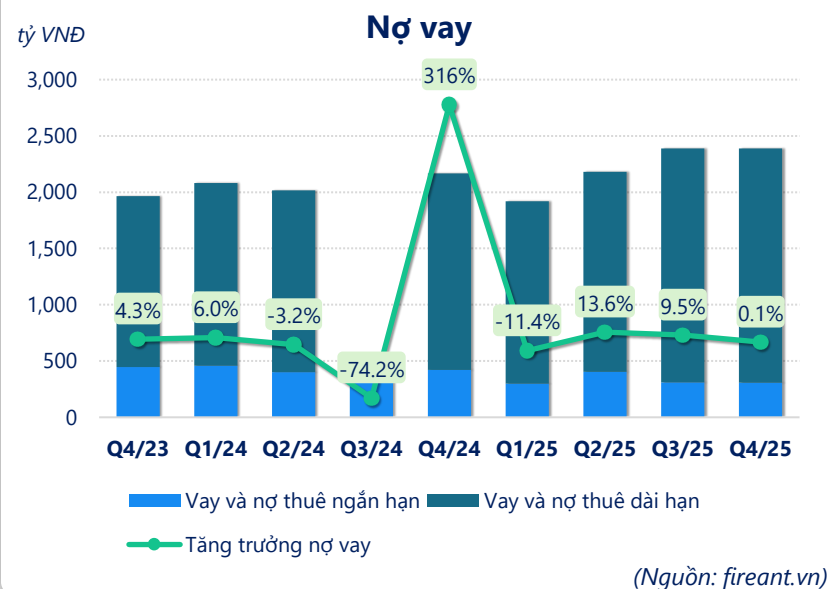
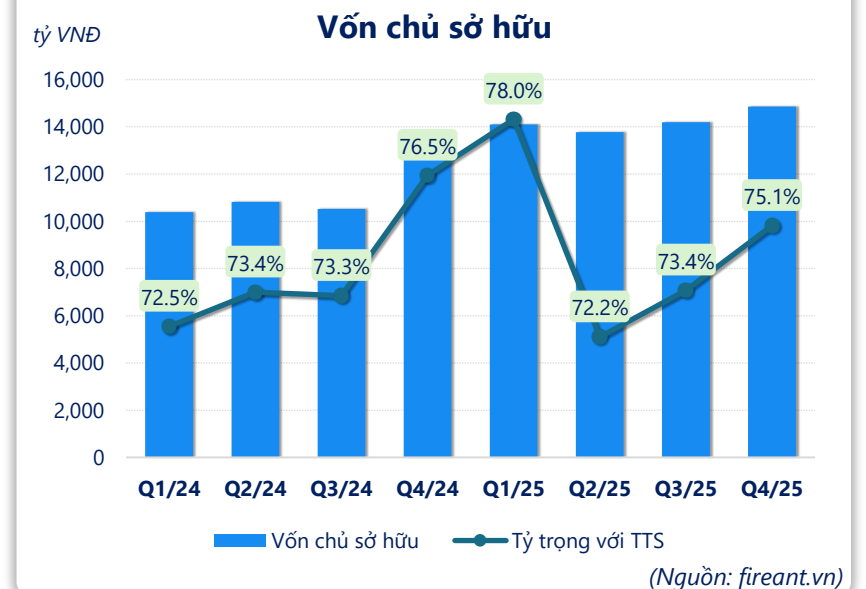
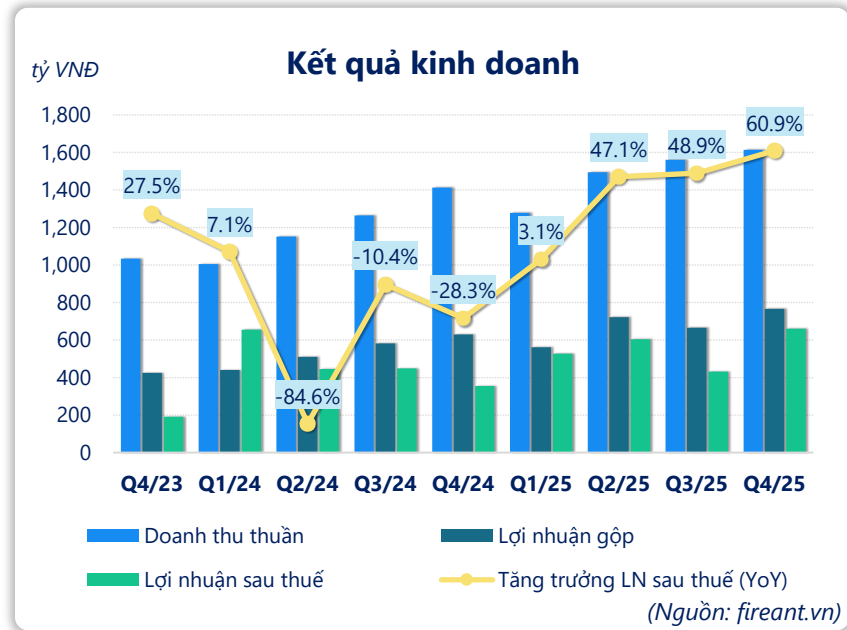
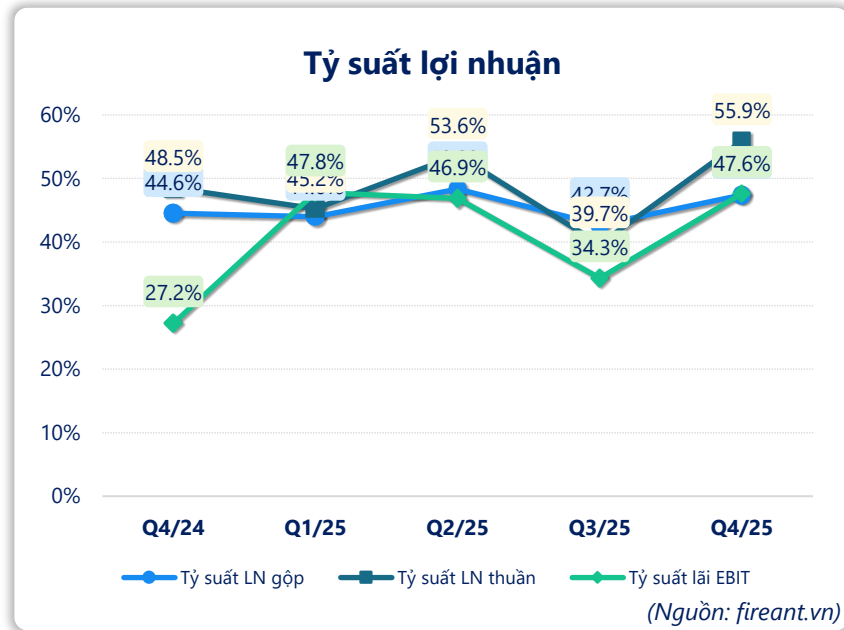
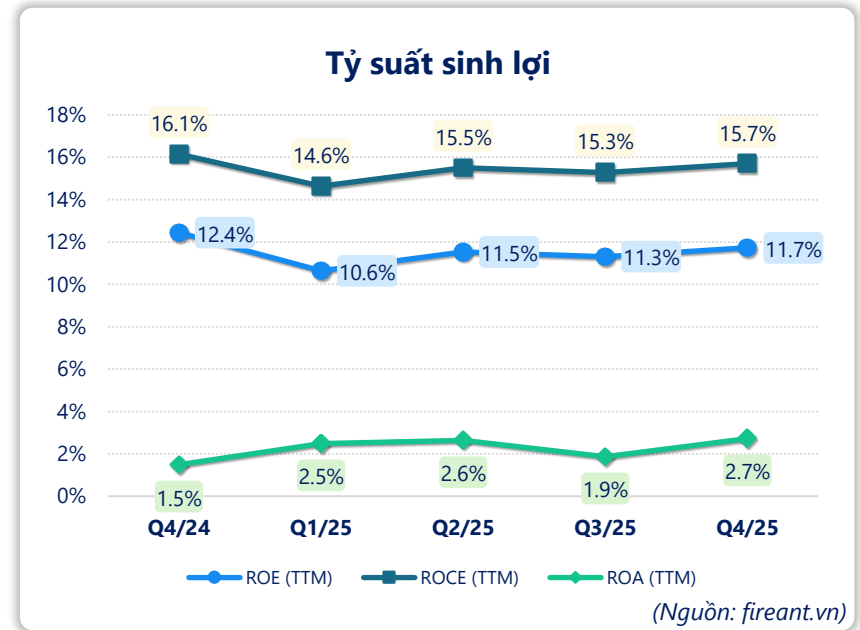
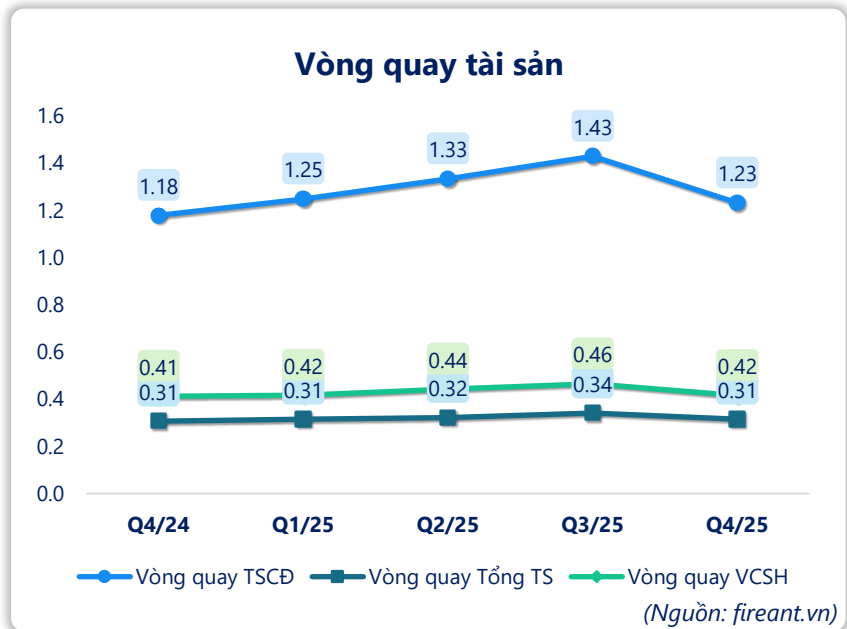
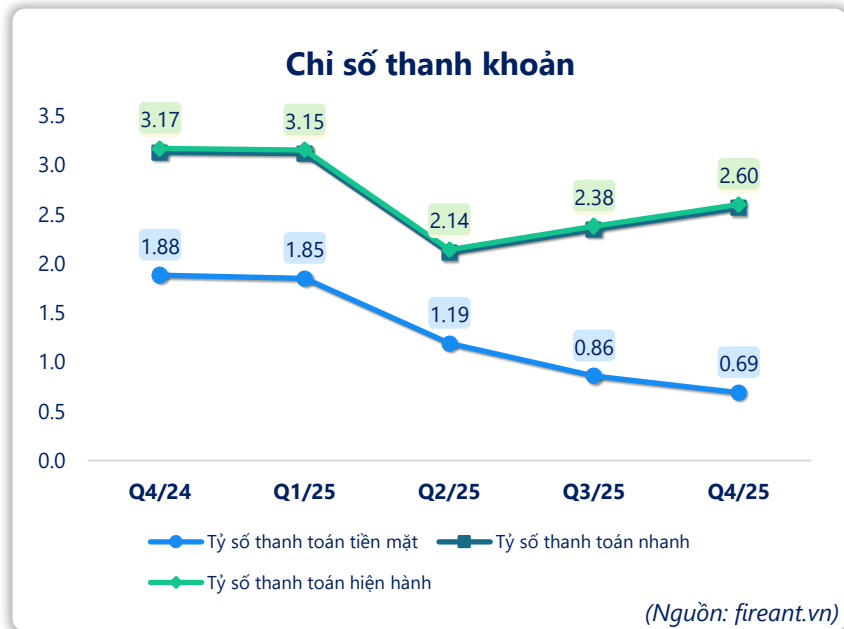
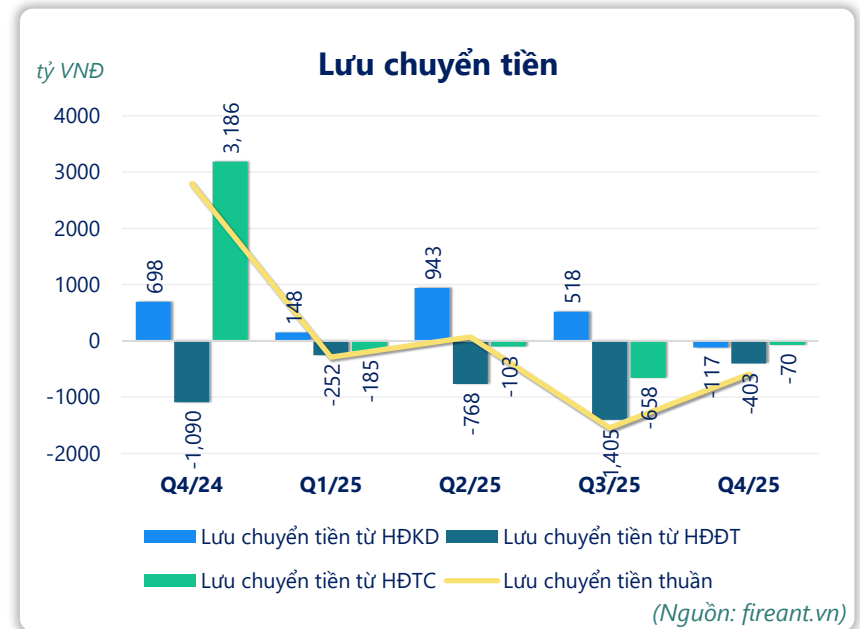


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		61,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		74,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		40,841
SL cổ phiếu LH		426,495,109
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,094,465
% sở hữu nước ngoài		38.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		26,016
P/E		15.5
EPS		3,932

	YTD	1T	3T	6T
GMD	-4.8%	-1.8%	-8.3%	1.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	19,777	17,998	9.9%
Tài sản ngắn hạn	6,110	6,674	-8.4%
Tiền và tương đương tiền	1,618	3,964	-59.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,657	1,021	160%
Phải thu ngắn hạn	1,396	1,236	13.0%
Hàng tồn kho	86.5	83.4	3.7%
Tài sản ngắn hạn khác	353	369	-4.3%
Tài sản dài hạn	13,667	11,324	20.7%
Phải thu dài hạn	46.1	44.7	3.2%
Tài sản cố định	5,630	4,033	39.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,241	1,718	-27.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	4,937	3,854	28.1%
Tài sản dài hạn khác	1,659	1,543	7.5%
Lợi thế thương mại	155	131	18.3%
Nợ phải trả	4,917	4,226	16.4%
Nợ ngắn hạn	2,350	2,101	11.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	308	422	-27.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	566	487	16.2%
Nợ dài hạn	2,567	2,125	20.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,082	1,745	19.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	14,860	13,772	7.9%
Vốn chủ sở hữu	14,860	13,772	7.9%
Vốn điều lệ	4,265	4,140	3.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,412	1,277	1,494	1,560	1,614
Giá vốn hàng bán	783	715	772	894	849
Lợi nhuận gộp	629	562	722	666	766
Doanh thu HĐTC	29.3	29.2	62.3	49.5	86.2
Chi phí TC	15.7	28.6	23.6	74.8	-15.6
Chi phí lãi vay	32.9	27.4	22.4	23.8	34.4
LN trong công ty LKLD	313	227	243	297	389
Chi phí bán hàng	54.1	86.2	82.0	121	194
Chi phí QLDN	216	125	121	198	161
LN thuần từ HĐKD	685	578	801	619	902
Lợi nhuận khác	-334	5.38	-124	-107	-168
LN trước thuế	351	583	677	511	734
Lợi nhuận sau thuế	356	528	604	432	660
LNST của CĐ cty mẹ	235	403	445	315	513

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	698	148	943	518	-117
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1,090	-252	-768	-1,405	-403
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3,186	-185	-103	-658	-70.0
Tiền đầu kỳ	1,167	3,964	3,676	3,749	2,205
Lưu chuyển tiền thuần	2,794	-289	72.3	-1,544	-590
Ảnh hưởng tỷ giá	3.92	0.63	0.79	0.93	2.66
Tiền cuối kỳ	3,964	3,676	3,749	2,205	1,618

(Nguồn: fireant.vn)